

Số: Kon02/2026

Hà Nội, ngày 02 tháng 09 năm 2026

[illegible]

Vĩnh Sơn C	Mức nước (H, m)	972.33	972.34	972.35	972.36	972.35	972.35	972.35	972.35	972.35
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	1.25	1.24	1.24	1.24	0.97	0.48	0.22	0.10	0.04
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.70	154.15	154.20	154.20	154.20
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					9.09	8.06	6.86	5.86	4.77
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					4.09	5.06	6.86	5.86	4.77
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)					653.25	653.40	653.50	653.65	653.75
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					8.33	7.53	7.17	7.01	6.94
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)					68.74	68.75	68.77	68.78	68.78
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					9.28	9.19	9.76	7.53	5.29
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					7.00	7.00	7.00	7.00	7.00
Núi Mọt	Mức nước (H, m)				37.29	37.20	37.15	37.15	37.10	37.05
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.01	0.05	0.02	0.02	0.02	0.02
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				12.58	12.58	12.58	12.58	12.58	12.58
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.40	60.50	60.60	60.70	60.80	60.90
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.01	10.90	10.81	10.77	10.74	10.70
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)					24.80	24.75	24.75	24.70	24.70
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					22.53	22.45	22.36	22.26	22.14
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					26.00	26.00	26.00	26.00	26.00

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.80 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.76 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.44 m

- Lưu lượng đến hồ: 1.36 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.36 m

- Lưu lượng đến hồ: 1.24 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m

- Lưu lượng đến hồ: m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 37.29 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.01 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 60.40 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.01 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH



Ngô Thị Thủy